



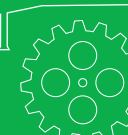
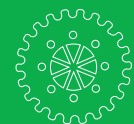
THACO PARTS

CASF

KEO & DUNG DỊCH CHUYÊN DỤNG



SEALANT & SPECIALIZED FLUID



CÔNG TY TNHH SẢN XUẤT KEO VÀ DUNG DỊCH CHUYÊN DỤNG Ô TÔ CHU LAI
CHU LAI AUTOMOBILE SPECIALIZED SEALANT AND FLUID LIMITED LIABILITY COMPANY



KCN Cơ khí Ô tô Chu Lai - Trường Hải, xã Tam Hiệp, huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam, Việt Nam.
Chu Lai - Truong Hai Automotive Mechanical Industrial Park, Nui Thanh Dist., Quang Nam Province, Vietnam.



(+84) 2353 567 161 - Fax: (+84) 2352 226 555



casf@thaco.com.vn



casf.thacoparts.vn

GIỚI THIỆU / INTRODUCTION



NỘI DUNG / CONTENT

KEO CAO SU BUTYL

Butyl tape

KEO SILICONE

Silicone sealant

KEO POLYURETHANE PU901

Polyurethane sealant PU901

NƯỚC LÀM MÁT ĐỘNG CƠ PHA SẴN (XE DU LỊCH)

Pre-mixed engine coolant (Passenger car)

NƯỚC LÀM MÁT ĐỘNG CƠ PHA SẴN (XE TẢI & BUS)

Pre-mixed engine coolant (Truck & Bus)

NƯỚC RỬA KÍNH Ô TÔ

Windshield washer fluid

DUNG DỊCH SÚC RỬA ĐỘNG CƠ

Engine flush additive - EFA

DUNG DỊCH XỬ LÝ KHÍ THẢI ĐỘNG CƠ (XE TẢI & BUS)

Diesel exhaust fluid (Truck & Bus)

DUNG DỊCH XỬ LÝ KHÍ THẢI ĐỘNG CƠ (TÀU BIỂN)

Diesel exhaust fluid (Ship)

MÀNG CHẮN SƠN

Pre-taped masking film

Công ty được trang bị dây chuyền sản xuất tiên tiến và hiện đại gồm: Dây chuyền sản xuất keo chuyên dụng, dây chuyền phân cuộn, đóng gói băng keo và dây chuyền sản xuất dung dịch chuyên dụng. Mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng, an toàn và không gây ô nhiễm môi trường.

The company is equipped with advanced production and modern lines including: production line of specialized sealants, tape rewinding and packing line, specialized fluid production line. Providing customers with safe and quality products, environment - friendly.

Thành lập : Tháng 8 năm 2020
Diện tích : 2,000 m²
Vốn đầu tư : 10 tỷ đồng
Công suất : 900 tấn keo chuyên dụng/năm
1,000,000 cuộn băng keo/năm
6,000m³ dung dịch chuyên dụng/năm.
Chứng nhận : ISO 9001:2015; IATF 16949:2016

Establishment : August, 2020
Area : 2,000 m²
Capital : 10 billion VND
Capacity/ year : 900 tons PVC
1 million tape rolls
6,000 m³ specialized fluid
Certification : ISO 9001:2015; IATF 16949:2016



KEO CAO SU BUTYL

BUTYL TAPE

KEO CAO SU BUTYL là loại băng dán gốc cao su butyl được ứng dụng để gắn kết các chi tiết và chống thấm nước.

BUTYL TAPE is a type of butyl-based tape that is used to adhere components and waterproofing.

QUY CÁCH: 3,5mmx7mx20m; 6mmx12m; 10mmx8m hoặc theo yêu cầu của khách hàng.

PACKAGE: 3,5mmx7mx20m; 6mmx12m; 10mmx8m or the requirements of customers.



ỨNG DỤNG: Sử dụng để dán áo mưa cửa, đèn sau và các thiết bị điện.

APPLICATION: Seal the gap on door, rear lamps and electric component.

ĐẶC TÍNH:

- Mịn, mềm dẻo nên dễ thao tác trong quá trình lắp đặt.
- Có độ giãn dài tốt, khả năng chịu thời tiết và chống lão hóa tốt.
- Luôn linh hoạt và không bị cứng lại. Không bị đổi màu.

PROPERTIES:

- Smooth, flexible, making it easy to use during the installation.
- Excellent elongation, anti-aging and good weather resistance.
- Always flexible without hardening, not discolored.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS	
Ngoại quan Appearance	Màu đen, đồng nhất, mịn. Black, homogeneous, smooth.
Tỷ trọng Density (g/cm³)	1.20 ~ 1.30
Độ sâu kim Needle penetration @28°C	65 ~ 75
Độ bám dính Adhension [kgf/6mm]	0.45 ~ 1.00
Độ bền kéo Tensile strength [kgf/cm²]	0.30 ~ 1.00
Độ bền cắt Shear strength [kgf/1,5cm²]	0.50 ~ 1.00
Độ giãn dài Elongation [%]	>1,200



KEO SILICONE

SILICONE SEALANT

SS301 là loại keo silicone axit, một thành phần, chất trám khe tự khô có độ đàn hồi cao, chịu được những điều kiện nhiệt độ khắc nghiệt, ozon, tia cực tím và khả năng chống lão hóa thời tiết cực tốt.

SS301 is a one component, acid-curing silicone sealant, a self-drying sealant with high elasticity, can withstand extreme temperature conditions, ozone, ultraviolet rays and excellent weathering resistance.

SC500, SS601 là loại keo silicone trung tính, là chất trám khe tự khô có độ đàn hồi cao, có thể chịu được những điều kiện nhiệt độ khắc nghiệt, ozon, tia cực tím và khả năng chống lão hóa thời tiết cực tốt.

SC500, SS601 is a neutral silicone sealant, a self-drying sealant with high elasticity, can withstand extreme temperature conditions, ozone, ultraviolet rays and excellent weathering resistance.

QUY CÁCH: 300ml/tuýp, 24 tuýp/thùng

PACKAGE: 300ml/tube, 24 tubes/carton



ỨNG DỤNG: Làm kín và bám dính tốt sau khi khô hoàn toàn trên các bề mặt body/thùng xe như: thép không gỉ (inox), thép mạ kẽm, tôn, thép nhúng ED (hoặc được sơn lót epoxy); kính; các loại nhựa. Tạo độ phủ tốt, thẩm mỹ cho lớp sơn khi sơn lên bề mặt keo, sử dụng để làm kín trên sàn và body của thùng xe ben, mui xe tải, xe bus, sơ mi rơmoóc, xe chuyên dụng,...

APPLICATION: Good sealing and adhesion after completely curing on body surface/truck body such as: stainless steel, galvanized steel, tole, ED coated steel (or epoxy coated steel), glass, plastics,... Paintable, excellent coverage on surface of sealant, good sealing on floor and side wall of truck body, truck roof, bus, trailer, specialized vehicles,...

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS	SS301	SC500	SS601
Ngoại quan Appearance	Mịn, dạng kem, đặc sệt, không rỗ khí, không tạo gel. Smooth, cream or heavy body, no bubble, no skinning, no gel.		
Độ sụt lún (chảy) Droop	0 mm	0 mm	0 mm
Màu sắc Colors	Đen, xám, cà phê, trắng sữa, trắng trong,... Black, gray, coffee, milk white, clear white,...		
Thời gian lưu hóa bề mặt Tack free time	6 - 15 phút/ mins	4 - 12 phút/ mins	10 - 30 phút/ mins
Trọng lượng riêng Density	1.02 ± 0.01 g/cm ³	(0.96 - 1.35) ± 0.05 g/cm ³	1.5 ± 0.1 g/cm ³
Độ cứng Hardness (shore A)	23 ± 1	17 - 38	25 - 40
Độ bền kéo Tensile strength	≥0.9 Mpa	0.6 - 1.5 Mpa	≥1.5 Mpa
Khả năng giãn dài Elongation at break	≥300%	≥460%	800 - 950%
Khả năng linh hoạt ở nhiệt độ thấp Low temperature flexibility	Không nứt gãy, không hư hại No broken, no damage		
Nhiệt độ bề mặt thi công Application temperature	+5°C đến + 50°C	+5°C đến + 40°C	+5°C đến +40°C
Khả năng chịu nhiệt (sau lưu hóa) Working temperature	-40°C đến 180°C	-50°C đến 150°C	-20°C đến 180°C



KEO POLYURETHANE PU901

POLYURETHANE SEALANT PU901

Keo PU901 là loại keo gốc Polyurethane một thành phần, dễ dàng sử dụng. Keo PU901 tự lưu hóa ở nhiệt độ thường trong không khí để tạo thành loại vật liệu trám trét bền vững và liên kết lâu dài.

PU901 is a one-component polyurethane based sealant, easy to use. PU901 cures at room temperature by the reaction with atmosphere moisture to become a permanently flexible and durable sealing material.

QUY CÁCH: 300ml/tuýp, 24 tuýp/thùng

PACKAGE: 300ml/tube, 24 tubes/carton



ỨNG DỤNG: Làm kín và bám dính tốt sau khi khô hoàn toàn trên các bề mặt body/thùng xe như: thép không gỉ (inox), thép mạ kẽm, tôn, thép nhúng ED (hoặc được sơn lót epoxy); kính; các loại nhựa. Tạo độ phủ tốt, thẩm mỹ cho lớp sơn khi sơn lên bề mặt keo, sử dụng để làm kín trên sàn và body của thùng xe ben, mui xe tải, xe bus, sơ mi rơmoóc, xe chuyên dụng,...

APPLICATION: Good sealing and adhesion after completely curing on body surface/truck body such as: stainless steel, galvanized steel, tole, ED coated steel (or epoxy coated steel), glass, plastics,... Paintable, excellent coverage on surface of sealant, good sealing on floor and side wall of truck body, truck roof, bus, trailer, specialized vehicles,...

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS	
Màu sắc Colors	Trắng, đen, xám White, black, grey
Tỷ trọng Density (g/cm ³)	1.5±0.1
Tính chảy keo Sagging properties, mm	0
Thời gian khô bề mặt (phút) Tack free time (min)	~ 20
Tốc độ lưu hóa Curing speed (mm/24h)	~ 4-5
Hàm lượng không bay hơi Non-volatile content, %	≥ 99
Độ cứng Hardness (Shore A)	~ 40
Độ bền kéo đứt Tensile strength (MPa)	~ 3.0
Độ bền kéo trượt Tensile shear strength (MPa)	~ 2.0
Độ giãn dài Elongation at break (%)	~ 400
Nhiệt độ thi công Temperature application (°C)	+5°C ~ +35°C
Nhiệt độ thi công Temperature application (°C)	-40°C ~ +90°C



NƯỚC LÀM MÁT ĐỘNG CƠ PHA SẴN (XE DU LỊCH)

PRE-MIXED ENGINE COOLANT (PASSENGER CAR)

NƯỚC LÀM MÁT ĐỘNG CƠ pha sẵn là loại nước làm mát động cơ dành cho xe du lịch có “tuổi thọ dài” gốc Ethylene Glycol và chất ức chế ăn mòn (không chứa amine, silicate, borate, hoặc nitrite) mang lại hiệu quả lâu bền đối với mọi hệ thống làm mát của động cơ.

PRE-MIXED ENGINE COOLANT is an Ethylene Glycol-based cooling water for passenger car and corrosion inhibitors (not contains amine, silicate, borate or nitrite), bring long-lasting effect on a variety of cooling systems.

CÁC LOẠI/ TYPES: **LLC2001, LLC2002**

ĐÓNG GÓI/ PACKAGE: 1000 lít/ liters, 200 lít/ liters, 5 lít/ liters, 1 lít/ liter.



LLC2001 & LLC2002 được sử dụng rộng rãi cho các dòng xe Hyundai, Kia và xe du lịch nói chung.
LLC2001 & LLC2002 is widely used on Hyundai, Kia vehicles and passenger car in general.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS		LLC2001	LLC2002
Ngoại quan Appearance		Chất lỏng, màu xanh lá, không cặn, không phân lớp. Liquid, green, no sediment, no layering.	Chất lỏng, màu đỏ, không cặn, không phân lớp. Liquid, red, no sediment, no layering.
Điểm đông đặc Freezing point, 50% vol [°C]		Max. -31	Max. -16
Điểm sôi Boiling point [°C]		Min. 150	
pH		7.0 ~ 9.0	7.7
Tính chất ăn mòn kim loại trong cốc thủy tinh (khối lượng kim loại thay đổi mg/mẫu) Metal corrosion in glass cup (weight changing of metal mg/specimen)	Đồng thau Brass	Max. 10	
	Đồng đỏ Copper	Max. 10	
	Chất hàn Solder	Max. 15	
	Thép Steel	Max. 10	
	Gang Cast Iron	Max. 10	
	Nhôm Aluminium	Max. 15	



NƯỚC LÀM MÁT ĐỘNG CƠ PHA SẴN (XE TẢI & BUS)

PRE-MIXED ENGINE COOLANT (TRUCK & BUS)

NƯỚC LÀM MÁT ĐỘNG CƠ pha sẵn là loại nước làm mát gốc Ethylene Glycol dành cho xe Bus & xe Tải. Với chất chống gỉ hữu cơ (không chứa các phụ gia có hại như nitrites, amines và phosphates), mang lại hiệu quả lâu bền với mọi hệ thống làm mát.

PRE-MIXED ENGINE COOLANT an ethylene glycol-based coolant for Bus and Truck. With organic antirust agent (no harmful additives such as nitrites, amines and phosphates), bring long-lasting effect on a variety of cooling systems.

CÁC LOẠI/ TYPES: **CF2004, CF2005 & CF2006**

ĐÓNG GÓI/ PACKAGE: 1000 lít/ liters, 200 lít/ liters, 5 lít/ liters, 1 lít/ liter.



CF2004, CF2005 & CF2006 phù hợp theo theo tiêu chuẩn của các dòng xe Tải và Bus.
CF2004, CF2005 & CF2006 following kinds of Truck and Bus standards.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS		CF2004	CF2005	CF2006
Ngoại quan Appearance		Lỏng, màu xanh lá, không cặn, không phân lớp. Liquid, green, no sediment, no layering.	Lỏng, màu đỏ, không cặn, không phân lớp. Liquid, red, no sediment, no layering.	Lỏng, màu xanh lá, không cặn, không phân lớp. Liquid, green, no sediment, no layering.
Điểm đông đặc Freezing point, [°C]	50% thể tích 50 vol %	Max. -24	-	-
pH	50% thể tích 50 vol %	7.5 ~ 9.5		
Tính chất ăn mòn kim loại trong cốc thủy tinh (khối lượng kim loại thay đổi mg/mẫu). Metal corrosion in glass cup (weight changing of metal mg/specimen).	Đồng thau Brass	Max. 10	Max. 10	Max. 10
	Đồng đỏ Copper	Max. 10	Max. 10	Max. 10
	Chất hàn Solder	Max. 15	Max. 15	Max. 15
	Thép Steel	Max. 10	Max. 10	Max. 10
	Gang Cast Iron	Max. 10	Max. 10	Max. 10
	Nhôm Aluminium	Max. 15	Max. 15	Max. 15



NƯỚC RỬA KÍNH Ô TÔ

WINDSHIELD WASHER FLUID

NƯỚC RỬA KÍNH Ô TÔ WF2002 được sản xuất và kiểm tra theo tiêu chuẩn JIS K 2398 của Nhật Bản, tiêu chuẩn MS 568-02 của Hyundai & Kia Motors và phù hợp với điều kiện khí hậu Việt Nam.

WF2002 WINDSHIELD WASHER FLUID is manufactured and controlled according to JIS K 2398 standard of Japan and MS 568-02 standard of Hyundai & Kia Motors, suitable for the climatic condition in Vietnam.

ĐÓNG GÓI/ PACKAGE: 1000 lít/ liters, 200 lít/ liters, 5 lít/ liters, 2 lít/ liters, 1 lít/ liter.



WF2002 được sản xuất phù hợp cho tất cả các dòng xe hiện nay.

WF2002 to be produced so that suitable for all kind of current vehicle.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS	
Ngoại quan Appearance	Lỏng, màu xanh dương, không cặn, không phân lớp. Liquid, blue, no sediment, no layering.
Tính tẩy rửa Properties	Sạch, không để lại dấu trên kính. Clear, no mark on the windshield.
pH	7.0~8.5



DUNG DỊCH SÚC RỬA ĐỘNG CƠ

ENGINE FLUSH ADDITIVE - EFA

DUNG DỊCH SÚC RỬA ĐỘNG CƠ (EFA) là loại dung dịch dành cho đường ống dẫn dầu nhớt trong động cơ, được thiết kế đặc biệt nhằm vệ sinh đường ống dẫn và khôi phục hiệu suất động cơ.

ENGINE FLUSH ADDITIVE is the additive for oil line in engines, specifically designed to clean up oil line and restore engine performance.

QUY CÁCH: 300ml/chai, 12 chai/thùng

PACKAGE: 300ml/bottle, 12 bottles/carton



ĐẶC TÍNH:

- Loại bỏ cặn bẩn và lớp dầu nhớt bẩn được tích tụ trong động cơ.
- Khôi phục tính ổn định động cơ.
- Giảm tiếng ồn động cơ.
- Khôi phục hiệu suất tăng tốc.
- Vòng quay tốt hơn ở tốc độ cao.

PROPERTIES:

- Removes sludge and varnish accumulated in engines.
- Restores engine stability.
- Reduces engine noise.
- Restores acceleration performance.
- Better rotation is gain at high rotation speed.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS	
Ngoại quan Appearance	Gốc polyurethane, một thành phần Polyurethane, one component
Mùi Odor	Mùi dầu Oil odor
Tỷ trọng Density (15°C)	0.919 g/cm³
Điểm chớp cháy Flash point	136°C
Khả năng hòa tan trong nước Solubility to water	Không tan trong nước Not dissolve



DUNG DỊCH XỬ LÝ KHÍ THẢI ĐỘNG CƠ (XE TẢI & BUS)

DIESEL EXHAUST FLUID (TRUCK & BUS)

DUNG DỊCH XỬ LÝ KHÍ THẢI ĐỘNG CƠ DEF2002 là dung dịch không màu, trong suốt với thành phần chính là urê có độ tinh khiết cao được sử dụng trong tất cả các hệ thống SCR (Selective Catalytic Reduction).

DEF2002 DIESEL EXHAUST FLUID is a clear and colorless solution with a main ingredient of high purity urea used in SCR system (Selective Catalytic Reduction).

ĐÓNG GÓI/ PACKAGE:1000 lít/ liters, 220 lít/ liters, 20 lít/ liters.



DEF2002 đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 22241.

DEF2002 is able to meet the requirements of ISO 22241 standard.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS	
Ngoại quan Appearance	Chất lỏng không màu, không cặn bẩn. Colorless liquid, no sediment.
Hàm lượng Ure Ure content, %wt	31.8 – 33.2
Khối lượng riêng Density, kg/m ³	1.087 – 1.093
Chỉ số khúc xạ Refractive index	1.3814 – 1.3843
Điểm kết tinh Crystallization point, °C	-11.5
Độ kiềm tổng Alkalinity (NH ₃), %wt	Max. 0.2
Hàm lượng Biuret Biuret content, %wt	Max. 0.3



DUNG DỊCH XỬ LÝ KHÍ THẢI ĐỘNG CƠ (TÀU BIỂN)

DIESEL EXHAUST FLUID (SHIP)

DUNG DỊCH XỬ LÝ KHÍ THẢI ĐỘNG CƠ (TÀU BIỂN) là một dung dịch không màu, trong suốt với thành phần chính là urê có độ tinh khiết cao được sử dụng trong tất cả các hệ thống SCR (Selective Catalytic Reduction) đáp ứng các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO 22241.

DIESEL EXHAUST FLUID (SHIP) is a clear and colorless solution with a main ingredient of high purity urea used in SCR system (Selective Catalytic Reduction) able to meet the requirements of ISO 22241 standard.

ĐÓNG GÓI/ PACKAGE: 40 tấn/ tank, 30 tấn/ tank, 20 tấn/ tank, 1000 lít/ tank



THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS

Hàm lượng Ure Ure content, %wt	39 - 41
Khối lượng riêng Density, kg/m ³	1.105 - 1.177
Chỉ số khúc xạ Refractive index	1.3947 - 1.3982
Độ kiềm tổng Alkalinity (NH3), %wt	Max. 0.5
Hàm lượng Biuret Biuret content, %wt	Max. 0.8
Hàm lượng Aldehyde Aldehyde content, mg/kg	Max. 100



MÀNG CHẮN SƠN

PRE-TAPED MASKING FILM

MÀNG CHẮN SƠN là sản phẩm được sử dụng trong lĩnh vực sơn ô tô; một đầu có băng keo giấy giúp định hình bề mặt sơn, không để lại vết keo sau khi tháo gỡ.

PRE-TAPED MASKING FILM is the product used in the automotive painting; one end has a masking tape to help shape the paint surface, leaving no glue after removing.

QUY CÁCH (DÀI X RỘNG)/ PACKAGE (FULL LENGTH X WIDTH):
20m x 450mm; 20m x 550mm; 20m x 650mm; 20m x 900mm; 20m x 1100mm.



ỨNG DỤNG: Che chắn các khu vực không cần sơn.
APPLICATION: Covering surfaces that do not need to paint.

ĐẶC TÍNH:
- Lớp băng keo giấy có chất lượng cao, bám dính tốt, chịu nhiệt độ cao và không để lại vết keo.
- Lớp ni lông tĩnh điện giúp bám hút tốt vào bề mặt các chi tiết, linh kiện, chịu được nhiệt độ cao.

PROPERTIES:
- The masking tape is high quality, adhesion well, high temperature resistance and leaves no glue.
- The electrostatic nylon helps to adhere on surface of components, high temperature resistance.

THÔNG SỐ KỸ THUẬT TECHNICAL SPECIFICATIONS		
Hạng mục Items	BĂNG KEO GIẤY MASKING TAPE	MÀNG NI LÔNG NILON FILM
Đặc tính Feature	Lớp giấy tự nhiên và được phủ lớp cao su hòa tan, bám dính tốt. The natural paper covered by soluble rubber, well adhesion.	Màng ni lông nguyên sinh, tĩnh điện Plastic film primitive, electrostatic
Màu sắc Color	Màu vàng nhạt Tight yellow	Trong suốt Transparent
Khả năng chịu nhiệt Temperature resistance	105°C/60 phút 105°C/60 minutes	100°C